

Số: 224 /GPMT-UBND

Thốt Nốt, ngày 12 tháng 5 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Luật Tổ chức quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015, Luật sửa đổi bổ sung năm 2019;

Xét đề nghị của cơ sở Siêu thị Co.opmart Thốt Nốt ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của “Siêu thị Co.opmart Thốt Nốt”;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận tại tờ trình số: 82 /TTr-TNMT ngày 14 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Siêu thị Co.opmart Thốt Nốt, địa chỉ tại số 212 - Quốc lộ 91, Khu vực Phụng Thạnh I, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Siêu thị Co.opmart Thốt Nốt” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Siêu thị Co.opmart Thốt Nốt

1.2. Địa điểm hoạt động: số 212 - Quốc lộ 91, Khu vực Phụng Thạnh I, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ.

1.3. Giấy giấy chứng nhận đầu tư: 0301175691 - 028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2016 và thay đổi lần 02 ngày 20 tháng 02 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 0301175691 - 028

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: trung tâm thương mại dịch vụ

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở: Công suất kinh doanh dịch vụ của siêu thị là 1.000 lượt khách/ngày đến tham quan, mua sắm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Siêu thị Co.opmart Thốt Nốt có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày được cấp phép).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. *phut*

Nơi nhận: *hm*

- Chủ dự án, cơ sở;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND phường Thốt Nốt;
- Lưu: VT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

phut
Lê Minh Triết

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND

ngày ... tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Tổng lượng nước thải: 6,8m³/ngày

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt.

+ Nguồn số 2: Nước thải từ hoạt động sơ chế khu vực nấu nướng, ăn uống

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải,
vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Nguồn số 1: hệ thống thoát nước chung của đô thị trên tuyến Quốc lộ 91
(khu vực Phụng Thạnh I, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ)

+ Nguồn số 2: hệ thống thoát nước chung của đô thị trên tuyến Quốc lộ 91
(khu vực Phụng Thạnh I, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: hố ga đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của đô thị.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải: Tọa độ (Hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰): X: 1135754, Y:558351

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50m³/ngày.đêm (theo công suất hệ thống xử lý nước thải);

2.3.1. Phương thức xả nước thải: 01 dòng nước thải gồm nước thải sinh hoạt qua bể tự hoại và nước thải từ hoạt động sơ chế khu vực nấu nướng, ăn uống cùng dẫn về hệ thống xử lý nước thải 50m³/ngày.đêm để xử lý đạt quy chuẩn môi trường theo quy định và thoát ra hệ thống thoát nước chung của đô thị theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: gián đoạn theo thời gian hoạt động

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

STT	Tên thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn Theo QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, k=1,0	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
-----	----------------------	-------------	---	-------------------	-----------------------------

1	pH	-	5 - 9	06/tháng lần	Không thuộc đối tượng
2	BOD5 (200C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		
5	Sunfua	mg/l	4		
6	Amoni	mg/l	10		
7	Nitrat	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

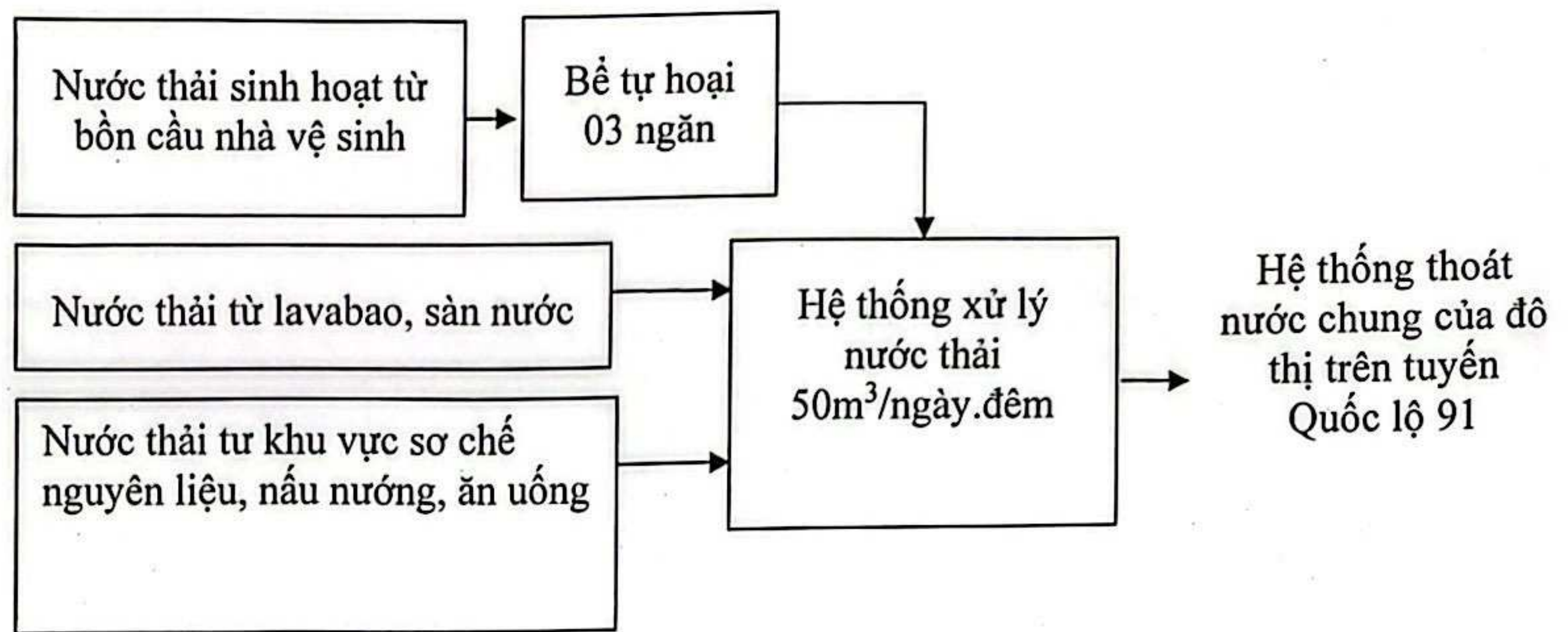
- + Nước thải từ các bồn cầu nhà vệ sinh được thu gom bằng ống PVC Ø90 và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại
- + Nước thải từ các lavabo và sàn nước được thu gom bằng ống PVC Ø90;
- + Nước thải từ khu vực sơ chế nguyên liệu, nấu nướng, ăn uống sẽ được thu gom bằng ống PVC Ø114.

Nước thải từ bồn cầu nhà vệ sinh sau bể tự hoại, nước thải từ khu vực sơ chế nguyên liệu, nấu nướng, ăn uống và các lavabo, sàn nước được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày.đêm của Cơ sở bằng các đường ống D220 với độ dốc I = 0,5% để xử lý, sau đó theo đường ống BTCT đường kính 600mm thoát ra hệ thống thoát nước chung của đô thị.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở





Bùn phát sinh từ quá trình xử lý nước thải được thu gom và chuyển đi xử lý như chất thải nguy hại.

Công suất thiết kế HTXLNT: 50m³/ngày.đêm

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- Tuân thủ hướng dẫn vận hành từ đơn vị lắp đặt hệ thống xử lý nước thải;
- Công tác vận hành HTXLNT được nhân viên vận hành thực hiện hàng ngày, kiểm tra tình trạng hoạt động của toàn bộ máy móc thiết bị và các bồn bể, ghi nhận các dấu hiệu bất thường và các sự cố để khắc phục kịp thời, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và liên tục theo đúng quy trình xử lý;
- Bố trí bơm/thiết bị dự phòng để phòng ngừa trường hợp xảy ra sự cố thiết bị;
- Liên hệ với đơn vị thi công, lắp đặt, vận hành ngay khi có sự cố để được hướng dẫn kịp thời

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

2.2 Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.3 Tần suất lấy mẫu:

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1 Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2 Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện.

Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND

ngày ... tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn 01: phương tiện giao thông ra vào cơ sở;
- Nguồn 02: từ máy phát điện

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí 01: bãi xe của siêu thị;
- Vị trí 02: nơi đặt máy phát điện dự phòng.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn (Theo QCVN 26:2010/BTNMT), độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT – khu vực thông thường) cụ thể như sau:

3.1 Tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT):

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2 Độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT):

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	-	Khu vực thông thường
	70	60		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn từ hoạt động của siêu thị chủ yếu phát sinh từ các phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở và hoạt động vận hành máy phát điện dự phòng

Cơ sở áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn như sau:

- Đối với phương tiện vận chuyển:
 - + Điều phối giao thông ra vào cơ sở hợp lý;
 - + Tắt máy đối với các phương tiện vận chuyển khi vào tập kết lên hàng tại Cơ sở.
- Đối với máy phát điện dự phòng:

- + Nhà chứa máy phát điện có tường cách âm; cách xa khu nhà dân;
- + Nền móng đặt máy phát điện được xây dựng bằng bê tông có chất lượng cao.
- + Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy phát điện để giảm rung;
- + Thường xuyên kiểm tra, thay thế hoặc bổ sung các đệm cao su và lò xo chống rung cho nền đặt máy;
- + Định kỳ bảo trì máy phát điện: Bôi trơn, sửa chữa hoặc thay thế các cấu kiện hư hỏng nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình hoạt động.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1 Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2 Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND

ngày ... tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Thành phần chất thải	Mã CTNH	Khối lượng năm 2023 (kg/năm)	Phương án xử lý
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại.	08 02 04	12	Hợp đồng thu gom, xử lý với đơn vị có chức năng theo quy định tại TT 02/2022/BTNMT
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	16 01 06	72	
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải.	17 02 03	72	
4	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	6	
5	Pin chì thải.	19 06 01	6	
Tổng cộng		-	168	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Chất thải rắn công nghiệp phát sinh chủ yếu là bao bì, giấy, carton, bùn thải,...

Tổng chất thải công nghiệp thông thường trung bình của cơ sở khoảng 800-1000kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Chất thải rắn sinh hoạt: khoảng 145 kg/ngày

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu chứa riêng biệt trong thùng có nắp đậy kín; bên ngoài các thùng chứa có dán nhãn ghi rõ tên, mã số từng loại chất thải theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.



2.1.2. Kho chứa trong nhà:

- Diện tích kho chứa trong nhà: 2 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa trong nhà: Nền bê tông, mái lợp tôn, vách tường, có cửa kín, được xây dựng theo đúng hướng dẫn tại thông tư 02/2022TT-BTNMT là kho kín tránh nắng, nước mưa chảy tràn, có cửa khóa an toàn, nền kho cao ráo, phía ngoài kho có gắn tiêu ngữ “ Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại” biển báo và biểu tượng theo quy định; có trang bị thiết bị PCCC, vật liệu hấp thụ (cát) và xẻng sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ CTNHH ở thể lỏng.

Chất thải nguy hại được phân loại, thu gom khi có phát sinh chuyển đến kho lưu chứa. Công tác phân loại, thu gom và lưu giữ chất thải tại cơ sở đảm bảo thực hiện đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đồng thời chủ cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý chất thải nguy hại định kỳ

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Phế liệu được thu gom về khu vực lưu chứa phế liệu để lưu giữ, trung bình khoảng 1 tháng cơ sở sẽ liên hệ để bán cho đơn vị thu mua của địa phương.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho chứa trong nhà: 16 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa trong nhà: Nền bê tông, khung thép tiền chế, mái lợp tôn, vách tôn, có cửa kín.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Mỗi điểm bố trí thùng rác đều được trang bị 03 thùng rác 240L để thực hiện phân loại rác tại nguồn theo quy định của thành phố Cần Thơ qua triển khai kế hoạch phân loại rác tại nguồn theo quy định của Luật BVMT.

Chất thải sinh hoạt từ các khu vực của cơ sở được thu gom về khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt của cơ sở, sau đó rác sinh hoạt được đơn vị thu gom rác địa phương đến lấy rác với tần suất thu gom 01 lần/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện và cung cấp nội dung kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 108,



Điều 109 và điều 110 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

NỘI TÀI